TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Khuôn, bà Đặng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 580/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tuấn D**, sinh năm 1978.
- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1981.

Đều có địa chỉ: Số 28 L, khu 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên toà có mặt anh D; vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn D trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H ngày 23/12/2004 và sống chung với mẹ anh sau khi kết hôn. Do mẹ của anh bị tai biến nên việc đi lại, sinh hoạt hàng ngày bị hạn chế nhưng chị H không thông cảm, không chia sẻ với anh trong việc chăm sóc mẹ. Những lúc anh vắng nhà, chị H không giúp đỡ vệ sinh cá nhân, không chăm lo ăn uống mà còn có lời nói vô lễ với mẹ anh. Gia đình nhiều lần tham gia nhưng chị H không sửa đổi dẫn đến vợ chồng luôn bất hòa trong cuộc sống. Khi mẹ anh không ở cùng vợ chồng nữa thì chị H nghi ngờ anh không chung thủy,

thường xuyên to tiếng chửi bới xúc phạm anh. Anh giải thích và khu dân cư đã hòa giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh đã hai lần khởi kiện xin ly hôn chị H ra Tòa án và đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng đến nay vợ chồng vẫn không tin tưởng nhau, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên không còn tình cảm dành cho nhau nên anh xin ly hôn chị H.

Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Quang M- sinh ngày 25/8/2005 và Nguyễn Huy G- sinh ngày 05/12/2007. Anh tôn trọng quan điểm của chị H và nguyện vọng của các con. Nếu chị H xin nuôi cả hai con chung và các con đều có nguyện vọng ở với chị H thì anh nhất trí để chị H được nuôi cả hai con chung. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/con/tháng. Cấp dưỡng theo tháng.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản làm việc ngày 15/11/2018, bị đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dậy các con. Nếu anh D vẫn kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để các bên thỏa thuận, giải quyết tài sản đảm bảo quyền lợi cho chị và các con. Trường hợp phải ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và đồng ý việc anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.500.000đ/con/tháng.

Qua xác minh, đại diện khu dân cư phản ánh: Giữa chị H và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn về cách sinh hoạt, thái độ ứng xử trong cuộc sống hàng ngày. Anh D không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn giữa hai bên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng, va chạm làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tổ hòa giải của khu dân cư nhiều lần tham gia, góp ý với các bên nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa: Anh D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H, đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 4/2019 đến khi các con chung thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Xử cho anh D được ly hôn chị H. Giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.500.000đ/con/tháng. Buộc anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là chị Đỗ Thị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Tuấn D và chị Đỗ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của anh D phù hợp với trình bày của bà Đỗ Thị K *(mẹ đẻ anh D)* và phản ánh của đại diện khu dân cư về nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Vì vậy có cơ sở xác định từ những bất đồng trong sinh hoạt, trong thái độ ứng xử giữa nàng dâu với mẹ chồng và do nghi ngờ nhau không chung thủy dẫn đến việc vợ chồng bất hòa, thường xảy ra to tiếng xúc phạm nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh D đã hai lần rút đơn khởi kiện xin ly hôn chị H để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vì không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không hoà hợp. Toà án tổ chức phiên hoà giải nhưng chị H vắng mặt và không có quan điểm gửi cho Toà án thể hiện chị không có thiện chí đoàn tụ với anh D. Xác định hôn nhân giữa anh D và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho anh D được ly hôn chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh D và chị H có hai con chung là Nguyễn Quang M- sinh ngày 25/8/2005 và Nguyễn Huy G- sinh ngày 05/12/2007. Chị H đề nghị và anh D đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa, anh D trình bày do tính chất công việc nên anh không có điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc các con. Mặt khác, cháu Minh và cháu G đều có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần giao cả hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị H là 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các con chung thành niên là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thực hiện thủ tục khởi kiện chia tài sản khi ly hôn cho các đương sự. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị H không có quan điểm gửi cho Tòa án nên HĐXX không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tuấn D và chị Đỗ Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Quang M- sinh ngày 25/8/2005 và Nguyễn Huy G- sinh ngày 05/12/2007. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tuấn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.500.000đ/con/tháng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng một con một tháng)* kể từ tháng 4/2019 đến khi con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002685 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh D phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Quách Thị Phương Thúy